TÒA ÁN D DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

D DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN D DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm D dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 03/12/2022).

- *Bị đơn*: Chị Cao Mỹ C, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt đề ngày 28/01/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh và chị Cao Mỹ C xây dựng hôn D năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban D dân xã H, huyện I, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, ngày 25/02/2013. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên: Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019. Hiện nay, cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D đang sống chung với chị C và ông bà ngoại tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản chung giữa anh và chị C là 01 căn nhà cấp IV tọa lạc tại ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu hiện đang tranh chấp với ông Lvà đang giải quyết ở một vụ kiện khác nên anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Nguyên D ly hôn là do vợ chồng có bất đồng quan điểm, ý kiến nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong khoảng thời gian xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, vợ chồng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Cao Mỹ C, đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019 cho chị C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019, mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu/tháng; tài sản chung là căn nhà cấp IV tọa lạc tại ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nhưng đang tranh chấp với ông Lnên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Cao Mỹ C và xin được giải quyết vắng mặt vì anh đi làm xa việc đi lại khó khăn, tốn kém chi phí. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2022, bị đơn, chị Cao Mỹ C trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh B xây dựng hôn D năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban D dân xã H, huyện I, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, ngày 25/02/2013. Vợ chồng có 02 con chung tên:, Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019 hiện nay, cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D đang sống chung với chị và ông bà ngoại tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng chị có tài sản chung là 01 căn nhà cấp IV tọa lạc tại ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu hiện đang tranh chấp với ông Lvà đang giải quyết ở một vụ kiện khác nên chị không yêu cầu giả quyết trong vụ án này; nợ chung không có. Nguyên D ly hôn là do vợ chồng có bất đồng quan điểm, ý kiến nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do chị và anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thanh B. Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019, yêu cầu anh Nguyễn Thanh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu (02 cháu mỗi tháng là 3.000.000 đồng); tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Thanh B và xin được giải quyết vắng mặt vì chị đi làm xa việc đi lại khó khăn, tốn kém chi phí. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ

án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn D và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh B đối với chị Cao Mỹ C. Xử cho anh B được ly hôn với chị C. Giao con chung là các cháu Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh B phải cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Trọng D, và Nguyễn Phúc D mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét. Anh Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về hôn D gia đình và cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh B yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với chị Cao Mỹ C. Chị Cao Mỹ C đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu. Chị Cao Mỹ C đồng ý Tòa án D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa chị và anh B nên Tòa án D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Thanh B và chị Cao Mỹ C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn D: Anh Nguyễn Thanh B và chị Cao Mỹ C chung sống có đăng ký kết hôn và được xã H, huyện I, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, ngày 25/02/2013. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn D giữa anh B và chị C là hôn D hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn D và gia đình năm 2014.

[4] Anh B và chị C tự nguyện kết hôn nhưng trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc, vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm

2020 nhưng không có biện pháp gì hàn gắn nên anh B yêu cầu ly hôn với chị C; chị C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn D và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh B đối với chị Cao Mỹ C. Xử cho anh B được ly hôn với chị C.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh B và chị Cao Mỹ C thống nhất vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 (giới tính: Nam) và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019 (giới tính: Nam), hiện nay, cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D đang sống chung với chị C và ông bà ngoại tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn D và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…". Anh B và chị C thống nhất giao con chung cho chị C nuôi dưỡng. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn D và gia đình năm 2014 quy định: "Con từ đủ 07 tuổi trở kên phải xem xét nguyện vọng của con" nên ngày 23/6/2021, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Trọng D và cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và tránh sự xáo trộn về tâm lý của các cháu cũng như ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh B và chị C, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 (giới tính: Nam) và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019 (giới tính: Nam) cho chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn D và gia đình quy định: "Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,…". Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn D và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả anh B và chị C. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường; mặc khác, anh B và chị C đều thống nhất thỏa thuận mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/cháu/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của anh B và chị C và không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Vì vậy, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng từ ngày 22/02/2022 cho đến khi các cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D đủ 18 tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn D và Gia đình, anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị C xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà cấp IV tọa lạc tại ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nhưng đang tranh chấp và đang được giải quyết ở vụ án khác nên không yêu cầu Tòa án xem xét trong vụ án này; nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự không có giá ngạch: Anh Nguyễn Thanh B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát D dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 và 117 Luật Hôn D và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn D: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh B đối với chị Cao Mỹ C. Xử cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Cao Mỹ C.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Trọng D, sinh ngày 12/01/2014 (giới tính: Nam) và Nguyễn Phúc D, sinh ngày 03/9/2019 (giới tính: Nam) cho chị Cao Mỹ C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Thanh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/cháu. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 22/02/2022 đến khi các cháu Nguyễn Trọng D và Nguyễn Phúc D đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh B và chị Cao Mỹ C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn D và Gia đình: Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng. Anh Nguyễn Thanh B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0000559 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND xã H, I, BL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến